

Tác dụng dược lý

Cao nước tơ hồng vàng có tác dụng ức chế hệ thần kinh trung ương, chống viêm trong mô hình gây phù chân chuột cống trắng bằng carragenin, và gây giảm hoạt động vân động tự nhiên của chuột cống trắng. Trên tim đồng vật cô lập, cao nước có tác dụng giảm lực co cơ tim và tăng nhịp tim. Tuy vậy, sau khi tiêm atropin cho động vật trong thí nghiệm *in vivo*, cao thuốc làm tăng có ý nghĩa lực co cơ tim và nhịp tim. Tác dụng của cao tơ hồng vàng gây co thắt hồi tràng cô lập chuột lang bị phong bế bởi atropin. Tơ hồng vàng gây co cơ vân thẳng bụng ếch, tác dụng này bị phong bế bởi curar. Tơ hồng vàng gây hạ huyết áp ở chó gây mê, điều này xác minh hoạt tính kích thích phó giao cảm của thuốc.

Trong nghiên cứu về tác dụng kích thích miễn dịch của hạt tơ hồng vàng ở chuột nhắt trắng cho chế độ ăn bình thường và chế độ ăn thiếu protein, không phụ thuộc vào điều kiện dinh dưỡng, cao nước hạt tơ hồng vàng làm tăng tỷ lệ của trong lượng lách so với thể trọng, và tăng lượng protein và albumin toàn phần trong huyết thanh một cách có ý nghĩa. Nghiên cứu tác dụng của cao nước hạt tơ hồng vàng trên u nhú và carcinom da gây bởi 7 - 12 - dimethylbenz [a] anthracen (DMBA) ở chuột nhắt Swiss cho thấy khi cho uống cao tơ hồng vàng (1 g/kg thể trọng), 3 lần mỗi ngày, cho 22 chuột, bắt đầu từ ngày thứ 10 sau khi cho DMBA lần đầu đến ngày thứ 252, làm chậm xuất hiện và chậm phát triển u nhú và giảm tỷ lệ chuột có carcinom so sánh với nhóm đối chứng, trong thử nghiệm gây khối u hai giai đoạn. Tác dụng dự phòng ung thư của thuốc có ý nghĩa thống kê.

Tính vị, công năng

Hạt tơ hồng có vị ngọt nhạt, hơi cay, tính bình, có tác dụng bổ can thận, ích tinh tuỷ, mạnh gân cốt, thông tiểu, nhuận tràng.

Công dụng

Hạt tơ hồng được dùng làm thuốc bổ chữa liệt dương, di tinh, đau lưng, đau nhức gân xương, tiêu hoá kém. Ngày dùng 10 - 16g, dạng thuốc sắc hay thuốc bột.

Trong y học cổ truyền Ấn Độ, hạt tơ hồng được dùng trị viêm khớp, ung thư, bệnh về não như đông kinh, loạn tâm thần và hưng cảm.

Bài thuốc có tơ hồng vàng

1. Thuốc tiêu thực:

Hạt tơ hồng, hương phụ, mỗi vị 100g; phen phi 0,5g. Tất cả phơi khô, tán bột mịn, trộn với mật ong làm viên. Uống mỗi ngày 2 - 4g.

2. Chữa suy nhược cơ thể ở người cao tuổi:

Hạt tơ hồng 8g, thực địa 16g; lộc giác giao, đồ trọng, mỗi vị 12g; kỷ tử, nhục quế, mỗi vị 10g; sơn thù, đương quy, phụ tử chế, mỗi vị 8g. Sắc uống ngày một thang.

3. Chữa xơ cứng động mạch vành hoặc thời kỳ ổn định sau nhồi máu cơ tim:

Hạt tơ hồng, phụ tử chế, đan sâm, đương quy, bạch thược, ba kích, bá tử nhân, mỗi vị 8g, nhục quế, viên chí, mỗi vị 6g. Sắc uống ngày một thang.

4. Chữa thiếu năng tạo máu của tuỷ xương nhẹ

Hạt tơ hồng 20g, thực địa 40g, hà thủ ô, ba kích, cò nho nổi, thiên môn, nhục thung dung, mỗi vị 20g; sơn thù, kỷ tử, mỗi vị 12g. Sắc uống ngày một thang.

5. Chữa thần hư không tăng tinh, di tinh

Hạt tơ hồng 8g; thực địa, cao ban long, mỗi vị 12g, hoài sơn, kỷ tử, đương quy, đồ trọng, phụ tử chế, mỗi vị 8g; sơn thù 6g, nhục quế 4g. Tán bột làm viên, uống mỗi ngày 10 - 20g, hoặc sắc uống ngày một thang.

6. Chữa liệt dương:

Hạt tơ hồng 12g, lộc giác giao 20g; thực địa, phá cố chỉ, bá tử nhân, phục linh, mỗi vị 12g. Làm viên, mỗi ngày uống 20 - 30g.

7. Chữa đái dâm:

a) Hạt tơ hồng 8g; tổ con bọ ngựa, phá cố chỉ, đẳng sâm, mỗi vị 12g; ích trí nhân, ba kích, mỗi vị 8g. Sắc uống ngày một thang.

b) Hạt tơ hồng 8g; hoài sơn, đẳng sâm, khiêm thực, mỗi vị 12g; mạch môn, sa sâm, kỷ tử, tang phiêu tiêu, mỗi vị 8g. Sắc uống ngày một thang.

8. Chữa suy nhược thần kinh:

a) Hạt tơ hồng, thực địa, hoài sơn, kỷ tử, lộc giác giao, ngư tất, mỗi vị 12g; sơn thù, quy bản, táo nhân, bá tử nhân, mỗi vị 8g. Sắc uống ngày một thang.

b) Hạt tơ hồng, thực địa, hoàng tinh, kỷ tử, ba kích, tục đoạn, kim anh, khiêm thực, liên nhục, mỗi vị 12g; phụ tử chế, táo nhân, mỗi vị 8g; nhục quế 4g. Sắc uống ngày một thang.

c) Hạt tơ hồng 8g; thực địa, hoài sơn, kim anh, khiêm thực, ba kích, đại táo, mỗi vị 12g; sơn thù, trạch tả, phục linh, phụ tử chế, táo nhân, mỗi vị 8g; viên chí 6g; đan bì, nhục quế, mỗi vị 4g. Sắc uống ngày một thang.

d) Hạt tơ hồng 8g; thực địa, kỷ tử, hà thủ ô, táo nhân, khiếm thực, liên nhục, ngư tấ, ba kích, mỗi vị 12g; tục đoạn 8g. Sắc uống ngày một thang.

9. *Chữa đau dây thần kinh hông:*

Hạt tơ hồng 8g; tang ký sinh, cầu tích, mỗi vị 16g; thực địa, đỗ trọng, tục đoạn, phòng kỷ, kỷ tử, mỗi vị 12g; phá cố chỉ, khương hoạt, độc hoạt, thương truật, mỗi vị 8g. Sắc uống ngày một thang; khi hết đau ngâm rượu 2 lít rượu một thang, ngày uống 40 ml chia 2 lần, trong 3 - 6 tháng.

10. *Chữa đau lưng mỗi giờ do thận hư yếu:*

Hạt tơ hồng 12g; cầu tích, củ mài, mỗi vị 20g; bổ cốt toái, tỳ giải, đỗ trọng, mỗi vị 16g; rế gối hạc, rế cò xước, dây đau xương, mỗi vị 12g. Sắc uống ngày một thang.

11. *Thuốc lợi tiểu làm mòn sỏi đường tiết niệu:*

a) Hạt tơ hồng 8g; kim tiền thảo 20g; đảng sâm, mã đề, mỗi vị 16g; trạch tả, ý dĩ, mỗi vị 12g; bạch truật, phục linh, ba kích, kê nội kim, mỗi vị 8g. Sắc uống ngày một thang.

b) Hạt tơ hồng 12g; phúc bồn tử, sinh hoàng kỳ, mỗi vị 40g; thương truật, hà thủ ô, mỗi vị 20g; thực địa 16g; phá cố chỉ, quy bản chế, tang phiêu tiêu, vương bất lưu hành, ngư tấ, bạch chỉ, bạch mao căn, hoàng tinh, mỗi vị 12g. Sắc uống ngày một thang.

12. *Thuốc an thần:*

Hạt tơ hồng, lạc tiên, vòng nem, lá sen, thảo quyết minh, lá dâu tằm, hạt keo dậu, củ sâm đại hành, mỗi vị 8g. Sắc uống ngày một thang.

13. *Chữa kinh nguyệt không đều:*

a) Hạt tơ hồng 12g, đảng sâm 16g; thực địa, hoài sơn, hà thủ ô, đan sâm, ngư tấ, mỗi vị 12g. Sắc uống trong ngày.

b) Hạt tơ hồng 8g, đảng sâm 16g; thực địa, hoài sơn, mỗi vị 12g; sơn thù, viễn chí, mỗi vị 8g; ngũ vị tử 6g, cam thảo 4g. Sắc uống trong ngày.

c) Hạt tơ hồng 8g; thực địa, bạch thực, hoài sơn, sài hồ, kinh giới tuế sao, mỗi vị 12g; dương quy, phục linh, hương phụ, mỗi vị 8g. Sắc uống trong ngày.

14. *Chữa rong kinh, rong huyết:*

Hạt tơ hồng 12g; sinh địa, hoài sơn, cỏ nhọ nổi, mỗi vị 16g; dương quy, bạch thực, ích mẫu, mỗi vị 12g; hương phụ 10g, xuyên khung 8g. Sắc uống ngày một thang.

15. *Chữa khí hư do thận hư:*

Hạt tơ hồng 8g; thực địa, hoài sơn, mỗi vị 12g; sơn thù, đan bì, phục linh, phụ tử chế, trạch tả, khiếm thực, tang phiêu tiêu, mỗi vị 8g; nhục quế 4g. Sắc uống ngày một thang.

16. *Chữa gãy xương kín:*

Dây tơ hồng, vỏ cây duối, mỗi vị 20g; lá thanh táo 30g. Giã đắp, nẹp bằng bẹ chuối, băng lại.

17. *Chữa hen:*

Dây tơ hồng, quả sau sau, mỗi vị 10g, phơi khô, thái nhỏ, sao vàng, sắc uống mỗi ngày một thang, trong 5 - 7 ngày.

18. *Chữa rắn độc cắn:*

Dây tơ hồng, rế bông ổi, rế bạch hoa xà, mỗi vị 20g; dây thần thông 10g, thái nhỏ, phơi khô sao vàng, sắc uống làm 3 lần cách nhau 20 phút.

19. *Chữa phong thấp:*

Dây tơ hồng 1000g; dây gấm, dây chiều, mỗi vị 1500g; xấu hổ, lá cành mít, vôi vôi, dây đau xương, ngũ gia bì, cò xước, mỗi vị 1000g. Sắc lấy ba nước, hỗn hợp lại, lọc kỹ, có cách chườm nóng cho đến khi thành cao đặc sệt, pha rượu tỷ lệ 1/4, thêm thuốc chống mốc, đóng chai kín để dùng. Liều uống 30 ml trước bữa ăn, ngày hai lần.

20. *Chữa ho:*

Dây tơ hồng, lá nguyệt bạch, lá trạc bá, lá bọ mắm, mỗi vị 12g; nghệ 4 lát. Sắc uống ngày một thang.

853. TƠ HỒNG XANH

Cassytha filiformis L.

<i>Tên khác</i>	Tơ xanh.
<i>Tên nước ngoài:</i>	Dodder (Anh), goutte - de - lin (Pháp)
<i>Họ</i>	Long não (Lauraceae)